

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 28-9-2020

*V/v thực hiện nghĩa vụ
do người chết để lại*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Xuân Đức và ông K'Bar

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:
bà Lang Thị Tổ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2020 về “*thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-DS, ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Ph; cùng địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L và ông Phạm Xuân L1; cùng địa chỉ: Đội 12 Q, xã C, huyện Y, tỉnh Nghệ An – đều vắng mặt.

- Anh Phạm Xuân Tuấn A, chị Phạm Thị Thu Th, chị Phạm Thị Thu Thanh (sinh ngày 26/6/2003); cùng địa chỉ: thôn 8, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông – đều vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Phạm Thị Thu Th1: bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ); địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Ph trình bày:

Ngày 11/8/2017 anh Đ, chị Ph cho ông T vay số tiền 20.000.000 đồng. Khi vay các bên có làm giấy viết tay (do ông T viết) hẹn đến ngày 30/11/2017 sẽ Th1 toán, trong giấy có ghi lãi suất theo thỏa thuận nhưng không ghi rõ lãi suất là bao nhiêu. Đến hạn ông T không trả. Ngày 08/01/2018 ông T đến khát nợ và đề nghị vay thêm số tiền 10.000.000 đồng hẹn đến ngày 25/01/2018 trả tổng số tiền 30.000.000 đồng. Khi vay khoản tiền này các bên viết vào góc trái của giấy vay cũ. Đối với số tiền 10.000.000 đồng các bên không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn trả nợ anh Đ, chị Ph yêu cầu ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không trả. Năm 2019, ông T chết nên anh Đ, chị Ph yêu cầu Tòa án buộc vợ ông T là bà Nguyễn Thị V người đang quản lý di sản của ông T phải trả số tiền nợ 30.000.000 đồng mà ông T đã vay và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tiền lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Phạm Xuân L1 và bà Trần Thị L trình bày: ông Phạm Xuân T là con trai ông, bà và con dâu là bà Nguyễn Thị V; ông, bà không biết việc vay mượn của ông T do đó không có nghĩa vụ trả nợ. Do điều kiện ở xa, tuổi già sức yếu nên ông, bà xin được vắng mặt cho đến khi giải quyết xong toàn bộ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị V và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan anh Phạm Xuân Tuấn A, chị Phạm Thị Thu Th, chị Phạm Thị Thu Th1 vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan không chấp hành. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà V (người đang trực tiếp quản lý di sản của ông T) phải trả cho anh Đ, chị Ph số tiền 30.000.000 đồng mà ông T là chồng bà khi còn sống đã vay; nguyên đơn rút yêu cầu lãi suất nên đề nghị đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị V phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền mà ông T là chồng bà khi còn sống đã vay nên tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp " *thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị V phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 30.000.000 đồng mà ông T là chồng bà khi còn sống đã vay, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về xác định nội dung vay nợ: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 giấy mượn tiền (Bút lục 03 bản gốc) đề ngày 11/8/2017, nội dung thể hiện ông Phạm Xuân T vay của anh Đ và chị Ph 02 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng hẹn đến ngày 25/01/2018 (âm lịch) sẽ trả, phần người vay có chữ ký và tên Phạm Xuân T. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ nào khác. Do đó, có căn cứ xác định việc ông Phạm Xuân T vay anh Đ và chị Ph số tiền 30.000.000 đồng và chưa trả là có thật.

[2.2]. Về xác định hàng thừa kế: Theo giấy chứng tử số 30/2019/TLKT-BS ngày 11/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong thì ông Phạm Xuân T chết ngày 01/6/2019, theo lời khai của bà Nguyễn Thị V là vợ ông T (lời khai tại vụ án khác), sổ hộ khẩu gia đình ông T và xác nhận của chính quyền địa Ph, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Xuân T gồm: bà Nguyễn Thị V (vợ ông T); ông Phạm Xuân L1, bà Trần Thị L (bố mẹ đẻ của ông T đang sống ở Nghệ An); anh Phạm Xuân Tuấn A, chị Phạm Thị Thu Th và chị Phạm Thị Thu Th1 (các con của ông T); tính đến thời điểm xét xử không có căn cứ xác định ông T còn có người thừa kế nào khác.

[2.3]. Xác định di sản thừa kế: Biên bản xác minh ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong tại UBND xã Q, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (*Bút lục 60 đến 64*) xác định trên địa bàn xã Q ông Phạm Xuân T có các tài sản là bất động sản gồm: thửa đất số 10 tờ bản đồ số 35, diện tích 4525,1m²; thửa đất số 08 tờ bản đồ số 35, diện tích 9115,6m²; thửa đất số 158 tờ bản đồ số 50, diện tích 35164,6m² (các diện tích đất trên đã làm thủ tục kê khai đang chờ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); thửa đất số 116 tờ bản đồ 170 diện tích 1124,8m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị V. Tại biên bản xác minh ngày 01/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong tại phòng Tài chính – Kế hoạch (*Bút lục 65*) xác định các

thửa đất số 08, 10, 158 có tổng giá trị 1.685.560.000 đồng. Ông T, bà V cùng đứng tên kê khai đối với các thửa đất và là tài sản chung của vợ chồng nên xác định di sản ông T để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị các thửa đất trên.

[2.4]. Về thực hiện nghĩa vụ trả nợ do ông Phạm Xuân T vay khi còn sống: Quá trình giải quyết vụ án những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên không xác định được ông T chết có để lại di chúc hay không, cũng như di sản của ông T đã được phân chia chưa. Tuy nhiên, tài liệu Tòa án thu thập được thì di sản thừa kế của ông T là các bất động sản đều vẫn đang cùng đứng tên bà V và ông T; chưa có việc chuyển dịch tài sản cho người khác. Đồng thời, theo lời trình bày của ông Phạm Xuân L1 và bà Trần Thị L (bố mẹ đẻ của ông T) ông, bà không biết việc vay mượn của ông T do đó không có nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, có căn cứ xác định tài sản khi ông T để lại hiện tại đang do bà V là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Nếu buộc các đồng thừa kế khác cùng thực hiện nghĩa vụ trong khi họ chưa được chia di sản và hiện tại những người này cũng không trực tiếp quản lý di sản là rất khó khăn trong công tác thi hành án; nên để đảm bảo công tác thi hành án thì việc buộc bà V phải thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ do ông T vay khi còn sống trong phạm vi di sản ông T để lại là phù hợp với quy định tại các Điều 611, 612, 615, 616 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà V (người đang trực tiếp quản lý di sản) phải trả cho anh Đ, chị Ph số tiền 30.000.000 đồng mà ông T là chồng bà khi còn sống đã vay và đình chỉ đối với yêu cầu về lãi suất là phù hợp.

[4]. Đối với những người thuộc hàng thừa kế hàng thứ nhất của ông Phạm Xuân T nếu có yêu cầu L quan đến di sản thừa kế thì khởi kiện thành vụ án khác theo quy định.

[5]. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về tiền lãi do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Đ, chị Ph được chấp nhận nên bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 463, 466, 611, 612, 615, 616 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản

2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Ph.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Ph số tiền 30.000.000 đồng do ông Phạm Xuân T vay khi còn sống, trong phạm vi di sản do ông T để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Đặng Thị Ph 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên L1 số 0000539 ngày 03 tháng 03 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- THADS huyện Đ;
- Dương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Hồng Nhung